

Số: 13/2021/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Văn bản số 1530/TCTDĐT-TCCB ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tổng cục Thể dục thể thao về quy định chế độ tiền thưởng theo thành tích thi đấu đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét Tờ trình số 1853/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện.

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức tiền thưởng đối với vận động viên

1. Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu cá nhân (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) được hưởng mức tiền thưởng như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Đại hội, giải thi đấu thể thao	Mức tiền thưởng			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
A	THÀNH TÍCH TẠI ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP QUỐC GIA, CẤP KHU VỰC				
01	Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc	10.000	6.000	4.000	4.000
02	Giải vô địch quốc gia	10.000	6.000	4.000	4.000
03	Giải vô địch cúp quốc gia; giải vô địch các đội mạnh quốc gia; giải khu vực toàn quốc	7.000	5.000	3.000	-
04	Giải vô địch trẻ quốc gia				
a	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi	5.000	3.000	2.000	2.000
b	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	4.000	2.400	1.600	1.600
c	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	3.000	1.800	1.200	1.200
d	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	2.000	1.200	800	800
05	Giải thi đấu thể thao quần chúng khu vực và toàn quốc trong hệ thống thi đấu quốc gia	2.000	1.200	800	-
B	THÀNH TÍCH TẠI ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP TỈNH				
01	Đại hội thể dục, thể thao cấp tỉnh	800	650	500	-
02	Giải vô địch cấp tỉnh; Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số cấp tỉnh; Hội thi, hội thao cấp tỉnh	650	500	350	-
03	Hội khỏe phù đồng cấp tỉnh	500	350	200	-
C	THÀNH TÍCH TẠI ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP HUYỆN				
01	Đại hội thể dục, thể thao cấp huyện	500	350	200	-
02	Giải vô địch cấp huyện; hội thi, hội thao cấp huyện; Hội khỏe phù đồng cấp huyện	350	250	200	-

2. Vận động viên lập thành tích thi đấu tại đại hội, giải thi đấu thể thao trong các môn hoặc nội dung thi đấu cá nhân có quy định lứa tuổi (trừ các giải vô địch trẻ quốc gia) được hưởng mức tiền thưởng như sau:

a) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 20% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 30% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 40% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1 Điều này.

d) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 50% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn hoặc nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức tiền thưởng chung bằng số lượng vận động viên được thưởng theo quy định của điều lệ giải x (nhân) với mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 3. Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên

Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển và huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển (sau đây viết tắt là huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện) được hưởng mức tiền thưởng như sau:

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện vận động viên lập thành tích thi đấu tại đại hội, giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu cá nhân.

a) Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng mức tiền thưởng bằng 60% mức tiền thưởng của 01 (một) vận động viên lập thành tích cao nhất tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng mức tiền thưởng bằng 40% mức tiền thưởng của 01 (một) vận động viên lập thành tích cao nhất tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện đội tuyển lập thành tích thi đấu tại đại hội, giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức tiền thưởng chung đối với 01 (một) thành tích cao nhất đạt được tại đại hội, giải thi đấu thể thao, như sau:

a) Mức tiền thưởng chung bằng mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại Điều 2 Nghị quyết này nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau:

- Đội tuyển dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đội tuyển từ 05 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đội tuyển từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

- Đội tuyển từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên.

- Đội tuyển trên 15 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

b) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng quy định tại điểm a khoản này được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60% số tiền thưởng quy định tại điểm a khoản này.

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40% số tiền thưởng quy định tại điểm a khoản này.

Điều 4. Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích trong các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức tiền thưởng chung đối với huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức tiền thưởng tương ứng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 5. Mức tiền thưởng đối với Đoàn thể thao

1. Đoàn thể thao đạt giải Nhất toàn đoàn được hưởng mức tiền thưởng bằng 05 lần mức tiền thưởng đối với vận động viên đạt huy chương vàng tại đại hội, giải thi đấu thể thao tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Đoàn thể thao đạt giải Nhì toàn đoàn được hưởng mức tiền thưởng bằng 05 lần mức tiền thưởng đối với vận động viên đạt huy chương bạc tại đại hội, giải thi đấu thể thao tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Đoàn thể thao đạt giải Ba toàn đoàn được hưởng mức tiền thưởng bằng 05 lần mức tiền thưởng đối với vận động viên đạt huy chương đồng tại đại hội, giải thi đấu thể thao tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí chi tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao theo quy định tại Nghị quyết này được bố trí trong dự toán ngân sách sự nghiệp thể dục thể thao hằng năm theo quy định pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UB Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính; Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Bộ VHTTDL; Vụ pháp chế (BVHTTDL);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT-CTHĐND.

CHỦ TỊCH**Hồ Văn Niên**